

**Công ty Cổ phần Chứng khoán  
Maybank Kim Eng**

Báo cáo của Tổng Giám đốc  
và các báo cáo tài chính giữa niên độ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2013



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo về kết quả công tác soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	11
Thuyết minh các báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 37



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 60994674/16378403

## BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Chí Cường  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1103-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty"), tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh số 57/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK với nội dung điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP về việc thay đổi tên gọi của Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở đặt tại tầng trệt và tầng 1, số 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh và phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Shahrul Nazri Abdul Rahim	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Ông Lê Minh Tâm	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012
Ông Ong Cheow Kheng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2012
Ông Tan Pei San	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Bà Ami Moris	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2012

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mohamad Yasin bin Abdullad	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2012
Ông Koh Boon Hann	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2012

### BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2010
Ông Dương Cẩm Đà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2011
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2012

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Minh Tâm, chức vụ Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

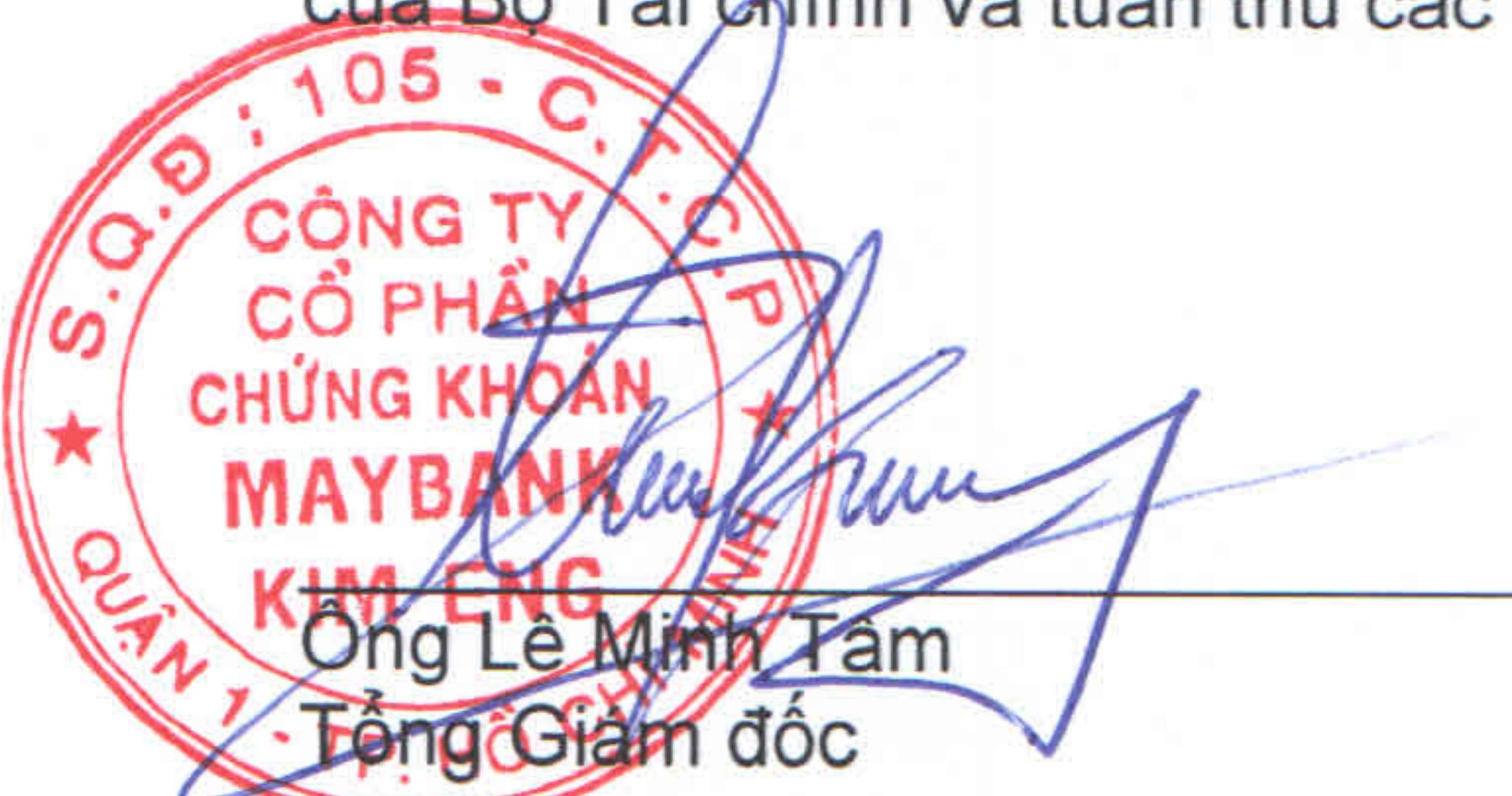
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

B01a-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>696.974.620.948</b>	<b>551.432.898.785</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	4	<b>352.770.810.126</b>	<b>289.471.624.647</b>
111	1. Tiền		251.388.785.280	130.426.805.096
112	2. Các khoản tương đương tiền		101.382.024.846	159.044.819.551
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	6	<b>5.511.500</b>	<b>20.519.300</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		5.511.500	20.519.300
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	7	<b>335.196.795.468</b>	<b>253.764.027.207</b>
132	1. Trả trước cho người bán		7.335.681.819	261.281.825
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn		128.638.410	122.350.410
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		334.142.987.872	260.424.541.153
138	4. Các khoản phải thu khác		1.169.039.991	1.113.091.258
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.579.552.624)	(8.157.237.439)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>9.001.503.854</b>	<b>8.176.727.631</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8.1	1.930.183.605	2.848.309.878
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	23	3.071.721.279	3.075.047.361
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	8.2	3.999.598.970	2.253.370.392
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>22.884.122.949</b>	<b>24.270.727.811</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>10.660.411.363</b>	<b>12.884.747.997</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.186.887.513	10.536.026.368
222	- Nguyên giá		41.509.312.384	41.378.962.584
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.322.424.871)	(30.842.936.216)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.158.790.187	1.418.433.229
228	- Nguyên giá		17.761.241.277	16.027.512.817
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.602.451.090)	(14.609.079.588)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		314.733.663	930.288.400
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.354.383.600</b>	<b>2.066.149.800</b>
253	1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn		1.354.383.600	2.066.149.800
254	- Chứng khoán sẵn sàng để bán	6	1.354.383.600	2.066.149.800
255	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.869.327.986</b>	<b>9.319.830.014</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	623.645.422	1.292.983.490
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	12	1.096.666.398	1.377.830.358
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	9.149.016.166	6.649.016.166
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>719.858.743.897</b>	<b>575.703.626.596</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

B01a-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>380.232.944.108</b>	<b>233.873.485.926</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>380.232.944.108</b>	<b>233.873.485.926</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	117.843.364.409	34.090.712.455
312	2. Phải trả người bán		107.493.442	58.928.645
313	3. Người mua trả tiền trước		605.032.000	615.032.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.033.786.150	940.887.532
315	5. Phải trả người lao động		25.302.509	-
316	6. Chi phí phải trả	16	4.387.477.076	7.395.227.294
317	7. Phải trả nội bộ		61.897.181	30.688.899
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	1.325.144.394	292.124.936
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	251.113.763.433	189.565.285.315
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.729.683.514	884.598.850
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>339.625.799.789</b>	<b>341.830.140.670</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>339.625.799.789</b>	<b>341.830.140.670</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	300.000.000.000	300.000.000.000
415	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(1.454.620.770)	(2.298.112.650)
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.556.412.666	3.556.412.666
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		3.556.412.667	3.556.412.667
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.967.595.226	37.015.427.987
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>719.858.743.897</b>	<b>575.703.626.596</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

B01a-CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
006	<b>1. Chứng khoán lưu ký</b> <i>Trong đó:</i>	<b>3.066.382.230.000</b>	<b>3.077.092.200.000</b>
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	2.189.738.430.000	1.673.336.160.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	932.040.000	1.465.070.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.672.771.350.000	1.343.307.460.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	516.035.040.000	328.563.630.000
017	1.2. Chứng khoán cầm cố	876.643.800.000	897.186.510.000
019	1.2.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	876.643.800.000	897.186.510.000
022	1.3. Chứng khoán tạm giữ	-	506.569.530.000
024	1.3.1. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	-	411.506.300.000
025	1.3.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	-	95.063.230.000
050	<b>2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chủng chưa niêm yết</b>	<b>117.572.070.000</b>	<b>154.895.120.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	116.202.030.000	99.643.940.000
053	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	115.661.330.000	74.626.740.000
054	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	540.700.000	25.017.200.000
056	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	1.322.400.000
058	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	1.322.400.000
061	2.3. Chứng khoán cầm cố	1.370.040.000	2.059.750.000
063	2.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	1.370.040.000	2.059.750.000
066	2.4. Chứng khoán tạm giữ	-	51.869.030.000
068	2.4.1. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	-	51.869.030.000

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên

Bà Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng



Ông Lê Minh Tâm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B02a-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu</b>		<b>60.412.749.245</b>	<b>106.163.965.775</b>
01.1	Trong đó: Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		28.985.012.336	42.656.125.903
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		10.403.506	147.785.478
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		177.272.727	298.489.091
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		727.127.949	497.454.105
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá		-	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		413.181.818	487.861.873
01.9	Doanh thu khác	20	30.099.750.909	62.076.249.325
<b>02</b>	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		-	-
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>60.412.749.245</b>	<b>106.163.965.775</b>
<b>11</b>	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	21	(40.012.179.054)	(54.182.272.027)
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>20.400.570.191</b>	<b>51.981.693.748</b>
<b>25</b>	<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	22	(23.361.367.649)	(18.383.874.885)
<b>30</b>	<b>7. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		(2.960.797.458)	<b>33.597.818.863</b>
31	8. Thu nhập khác		-	-
32	9. Chi phí khác		(83.709.221)	-
<b>40</b>	<b>10. Lỗ khác</b>		(83.709.221)	-
<b>50</b>	<b>11. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>		(3.044.506.679)	<b>33.597.818.863</b>
<b>51</b>	<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	23	(3.326.082)	(8.470.455.661)
<b>52</b>	<b>13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		-	-
<b>60</b>	<b>14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN</b>		(3.047.832.761)	<b>25.127.363.202</b>
<b>70</b>	<b>15. (Lỗ) lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>	19.3	(102)	838

Người lập:

Bà Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Lê Minh Tâm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B03a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. (Lỗ) lợi nhuận trước thuế</b>		(3.044.506.679)	33.597.818.863
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
03	- Khấu hao TSCĐ và phân bổ		3.533.020.816	5.228.909.395
05	- Các khoản dự phòng		(577.684.815)	(1.201.655.346)
06	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.307.366.198)	(2.612.200.270)
	- Chi phí lãi vay		981.051.256	7.894.468.236
08	<b>3. (Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		(5.415.485.620)	42.907.340.878
09	- Tăng các khoản phải thu		(80.487.508.196)	(21.104.933.001)
10	- Giảm (tăng) đầu tư ngắn hạn		16.060.955	(7.250.707)
11	- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		61.385.901.701	45.022.654.316
12	- Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.587.464.341	(390.873.076)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(853.045.347)	(7.894.468.236)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			(3.143.646.885)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			448.421.374
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.543.591.208)	(4.066.432.457)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		(27.310.203.374)	51.770.812.206
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.392.393.403)	(5.491.710.770)
25	2. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác			(67.479.570)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		752.846.000	162.492.077
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.496.284.302	2.393.873.937
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng trong) hoạt động đầu tư</b>		6.856.736.899	(3.002.824.326)

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B03a-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		161.168.917.212	1.350.062.700.251
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(77.416.265.258)	(1.383.432.147.614)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng trong) hoạt động tài chính		83.752.651.954	(33.369.447.363)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		63.299.185.479	15.398.540.517
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	289.471.624.647	93.146.157.437
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	352.770.810.126	108.544.697.954

Người lập:

Bà Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Lê Minh Tâm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐO  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B05a-CTCK

VND

CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ
		Ngày 1 tháng 1 năm 2012	Ngày 1 tháng 1 năm 2013	Tăng	Giảm	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.1	300.000.000.000 (2.099.235.000)	300.000.000.000 (2.298.112.650)	-	-	300.000.000.000 (1.454.620.770)
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*)				-	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển		2.671.404.671	3.556.412.666	1.256.368.159	-	3.927.772.830
4. Quỹ dự phòng tài chính		2.671.404.671	3.556.412.667	1.256.368.159	-	3.927.772.830
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.085.284.074	37.015.427.987	25.127.363.202	(2.512.736.318)	(3.047.832.761)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>324.328.858.416</b>	<b>341.830.140.670</b>	<b>27.514.459.520</b>	<b>(2.512.736.318)</b>	<b>- (2,204,340,881)</b>
						<b>339.625.799.789</b>

(\*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản bao gồm các thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các thay đổi giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Người lập:

Người phê duyệt:



Bà Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Bà Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”), tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh số 57/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK với nội dung điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP về việc thay đổi tên gọi của Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở đặt tại tầng trệt và tầng 1, số 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh và phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 247 người (31 tháng 12 năm 2012: 282 người).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng vốn cổ phần của Công ty là 300.000.000.000 đồng Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh các báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Niên độ kế toán

Nhiên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.4 Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty thực hiện lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

### 2.5 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ").

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính các kỳ trước.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ phải thu về giao dịch chứng khoán quá hạn thanh toán từ 30 ngày trở lên thì mức trích lập dự phòng là toàn bộ giá trị khoản phải thu sau khi trừ giá trị thị trường của tài sản đảm bảo.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nâng cấp văn phòng cho thuê	3 - 6 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	3 năm

### 3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

### 3.9 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá trị hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

#### 3.9.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí, phí ngân hàng và được phản ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được đánh giá theo giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.9 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

#### 3.9.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế vào ngày giao dịch và được phản ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi đòn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được đánh giá theo giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Thay đổi trong giá trị hợp lý của chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu giữa niên độ trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi bán các khoản đầu tư này.

#### 3.9.3 Giá trị hợp lý của chứng khoán

Giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định cho từng loại chứng khoán theo giá mua bán trên thị trường.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày ghi nhận giá trị hợp lý.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá mua thực tế.

### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.11 Lợi ích của nhân viên

#### 3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.11 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

#### 3.11.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

*Trợ cấp mất việc:* Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương.

#### 3.11.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

#### *Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

#### *Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.14 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

### 3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập Công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 3.16 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.		
Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính năm đó được kiểm toán.		

### 3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2013	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tiền mặt	51.264.276	82.462.612
Tiền gửi ngân hàng	223.757.571	219.845.655
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	251.113.763.433	130.124.496.829
Các khoản tương đương tiền	101.382.024.846	159.044.819.551
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>352.770.810.126</b>	<b>289.471.624.647</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng, trong đó bao gồm 71.000.000.000 đồng đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại một ngân hàng thương mại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VNĐ)</i>
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	323.897	12.031.632.000
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	1.260.516.368	15.691.343.982.530
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.260.840.265</b>	<b>15.703.375.614.530</b>

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<i>Số lượng (đơn vị)</i>	<i>Nguyên giá</i>	<i>So với giá thị trường</i>	<i>Tổng giá trị theo giá thị trường</i>
			<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
- Cổ phiếu niêm yết	438	4.873.460	1.701.440	(1.063.400) 5.511.500
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>				
Chứng khoán sẵn sàng để bán				
- Cổ phiếu niêm yết	92.766	3.293.877.960	- (1.939.494.360)	1.354.383.600

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐQ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính như sau:

Chi tiêu	Nguyên giá			Tăng/(giảm) so với giá thị trường			Tổng giá trị theo giá thị trường	VNĐ		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
<b>I. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>										
<i>Cổ phiếu niêm yết:</i>										
- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	4.873.460	20.934.415	638.040	(415.115)	5.511.500	20.519.300				
- Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	1.430.500	1.430.500	(1.053.100)	(1.023.500)	377.400	407.000				
- Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Đầu khí (PVC)	1.143.228	2.608.020	632.772	733.480	1.776.000	3.341.500				
- Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (BVS)					279.065	1.646.300	1.781.600			
- Tổng Công ty CP Xây lắp Đầu khí Việt Nam (PVX)		290.341	1.197.658	68.059	359.942	358.400	1.557.600			
- Công ty CP FPT (FPT)		258.264	9.650.340	96.736	(3.308.840)	355.000	6.341.500			
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)		223.694	321.650	110.706	206.350	334.400	528.000			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)		144.663	915.950	79.337	444.050	224.000	1.360.000			
- Tập đoàn Bảo Việt (BVH)		121.490	670.346	71.010	384.354	192.500	1.054.700			
- Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)		94.500	94.500	(10.300)	(17.700)	84.200	76.800			
- Công ty CP Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex (PGT)		43.360	57.120	53.840	42.480	97.200	99.600			
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)		43.050	330.050	7.950	60.950	51.000	391.000			
- Công ty CP Gò Đàng (AGD)		9.240	200.646	5.860	113.354	15.100	314.000			
- Công ty CP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP.HCM (FDC)		-	1.825.600	-	1.224.400	-	3.050.000			
						86.500	-	216.000		
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>										
<i>Cổ phiếu niêm yết:</i>										
- Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC)	3.293.877.960	5.130.300.000	(1.939.494.360)	(3.064.150.200)	1.354.383.600	2.066.149.800				
	3.293.877.960	5.130.300.000	(1.939.494.360)	(3.064.150.200)	1.354.383.600	2.066.149.800				
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.298.751.420</b>	<b>5.151.234.415</b>	<b>(1.938.856.320)</b>	<b>(3.064.565.315)</b>	<b>1.359.895.100</b>	<b>2.086.669.100</b>				

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

### 7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ			VND
	Thuyết minh	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Dự phòng đã trích lập
1. Trả trước cho người bán	261.281.825	-	-	-	17.289.141.145	(10.214.741.151)	7.335.681.819	-	-	-
2. Phải thu nội bộ ngắn hạn	122.350.410	-	-	-	6.288.000	-	128.638.410	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán										
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ (a)	260.424.541.153	-	10.240.716.005	7.080.432.827.531	(7.006.714.380.812)	334.142.987.872	-	10.139.389.311	7.579.552.624	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư (b)	206.660.586.234	-	-	5.363.776.038.647	(5.292.217.657.808)	278.218.967.073	-	-	-	-
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư (c)	10.034.581.394	-	10.034.581.394	-	(101.326.694)	9.933.254.700	-	9.933.254.700	7.373.847.702	-
- Phải thu dịch vụ hỗ trợ thanh toán cho nhà đầu tư mua chứng khoán (d)	43.382.328.221	-	-	-	1.712.209.456.524	(1.709.951.686.683)	45.640.098.062	-	-	-
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán khác	206.728.611	-	206.134.611	-	(594.000)	206.134.611	-	206.134.611	205.704.922	-
4. Các khoản phải thu khác										
- Phải thu lãi tiền gửi	140.316.693	-	-	-	4.447.332.360	(4.443.115.627)	144.533.426	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.113.091.258 718.299.232 394.792.026	- - -	- - -	- - -	6.434.303.647 3.574.267.370 2.860.036.277	(6.378.354.914) (3.798.264.320) (2.580.090.594)	1.169.039.991 494.302.282 674.737.709	- - -	- - -	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>261.921.264.646</b>	<b>-</b>	<b>10.240.716.005</b>	<b>7.104.162.560.323</b>	<b>(7.023.307.476.877)</b>	<b>342.776.348.092</b>	<b>-</b>	<b>10.139.389.311</b>	<b>7.579.552.624</b>	

(a) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư, có thời hạn hiệu lực từ 90 đến 180 ngày và chịu lãi suất 0,043%/ngày tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013.

(b) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư. Theo quy định của Ủy ban chứng khoán, Công ty đã chấm dứt các nghiệp vụ này từ ngày 7 tháng 7 năm 2012. Số dư còn lại là Khoản phải thu khó đòi từ năm 2010 và đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo chính sách của Công ty (Thuyết minh số 3.3).

(c) Đây là Khoản tiền Công ty tạm ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán với mức lãi suất là 0,043%/ngày tính trên số tiền ứng trước tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013.

(d) Đây là các khoản phải thu về hỗ trợ khách hàng tham gia mua chứng khoán theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán, Công ty đã chấm dứt các hợp đồng này từ ngày 7 tháng 7 năm 2012. Số dư còn lại là Khoản phải thu khó đòi từ năm 2010 và đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo chính sách của Công ty (Thuyết minh số 3.3).

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

### 7.2 Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
Số dư đầu kỳ	8.157.237.439	8.964.835.287	
Số trích lập trong kỳ	280.752.994	3.195.769.154	
Số hoàn nhập trong kỳ	<u>(858.437.809)</u>	<u>(4.397.424.500)</u>	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.579.552.624</b>	<b>7.763.179.941</b>	

## 8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

### 8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	VNĐ	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí bảo trì hệ thống	643.092.441	255.489.838	
Trả trước tiền thuê văn phòng	229.630.500	1.479.339.866	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>1.057.460.664</u>	<u>1.113.480.174</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.930.183.605</b>	<b>2.848.309.878</b>	

Thay đổi trong chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ như sau:

	VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
Số dư đầu kỳ	2.848.309.878	1.564.622.583	
Tăng trong kỳ	<u>4.177.211.147</u>	<u>6.887.388.448</u>	
Phân bổ trong kỳ	<u>7.025.521.025</u>	<u>8.452.011.031</u>	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.930.183.605</b>	<b>2.353.812.801</b>	

### 8.2 Tài sản ngắn hạn khác

	VNĐ	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đặt cọc thuê văn phòng	3.517.271.939	1.999.571.843	
Tạm ứng	278.603.000	50.074.518	
Ký quỹ khác	<u>203.724.031</u>	<u>203.724.031</u>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.999.598.970</b>	<b>2.253.370.392</b>	

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nâng cấp văn phòng thuê	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2013	7.409.985.197	28.483.349.439	3.052.011.905	2.433.616.043	41.378.962.584
Mua trong kỳ	-	274.219.680	-	-	274.219.680
Thanh lý	-	-	-	(143.869.880)	(143.869.880)
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	7.409.985.197	28.757.569.119	3.052.011.905	2.289.746.163	41.509.312.384
Trong đó: Đã khấu hao hết	7.409.985.197	14.571.722.892	-	855.698.992	22.837.407.081
<b>Giá trị hao mòn:</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2013	19.994.545.973	1.980.973.775	1.457.431.271	30.842.936.216	
Khấu hao trong kỳ	-	254.387.324	159.239.565	2.539.649.314	
Thanh lý	-	-	(60.160.659)	(60.160.659)	
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	7.409.985.197	22.120.568.398	2.235.361.099	1.556.510.177	33.322.424.871
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2013	-	8.488.803.466	1.071.038.130	976.184.772	10.536.026.368
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	-	6.637.000.721	816.650.806	733.235.986	8.186.887.513

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ
<i>Phần mềm tin học</i>	
<b>Nguyên giá:</b>	
Ngày 1 tháng 1 năm 2013	16.027.512.817
Mua trong kỳ	941.028.460
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	792.700.000
	<u>                </u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	17.761.241.277
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết	13.413.901.961
<b>Giá trị hao mòn:</b>	
Ngày 1 tháng 1 năm 2013	14.609.079.588
Khấu hao trong kỳ	993.371.502
	<u>                </u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	15.602.451.090
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Ngày 1 tháng 1 năm 2013	1.418.433.229
	<u>                </u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	2.158.790.187
<u><b>TỔNG CỘNG</b></u>	

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	VNĐ
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Chi phí cải tạo văn phòng	439.812.387	959.905.169
Chi phí vật dụng văn phòng	183.833.035	333.078.321
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>623.645.422</b>	<b>1.292.983.490</b>

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	VNĐ	VNĐ
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Số dư đầu kỳ	1.292.983.490	2.065.032.197
Tăng trong kỳ	47.234.000	749.328.700
	<u>                </u>	<u>                </u>
	1.340.217.490	2.814.360.897
Phân bổ trong kỳ	(716.572.068)	(1.147.645.842)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>623.645.422</b>	<b>1.666.715.055</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	VND	VND
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	611.792.808	611.792.808
- Giảm giá đầu tư dài hạn	<u>484.873.590</u>	<u>766.037.550</u>
	<b><u>1.096.666.398</u></b>	<b><u>1.377.830.358</u></b>

## 13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của kỳ trước nhưng không quá 2.5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	VND
Tiền nộp ban đầu trong năm	120.000.000
Tiền nộp bổ sung trong đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	6.524.975.804
Lãi phân bổ trong năm 2008	<u>4.040.362</u>
<b>Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>6.649.016.166</b>
Tiền nộp bổ sung trong 6 tháng năm 2013	1.797.362.630
Lãi nhận được trong 6 tháng năm 2013	<u>702.637.370</u>
<b>Số dư vào ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	<b>9.149.016.166</b>

## 14. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

Đây là khoản vay thầu chi tại một ngân hàng trong nước nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi do ngân hàng xác định tại từng thời điểm và được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ tài khoản phải thu của khách hàng và khoản cho vay ký quỹ.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ	VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	402.479.180	6.559.316.650	(5.721.062.339)	1.240.733.491	
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	404.889.233	4.950.242.387	(4.775.996.584)	579.135.036	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ nhà đầu tư tổ chức	9.130.962	455.730.312	(305.989.893)	158.871.381	
Thuế giá trị gia tăng	107.313.896	166.021.821	(224.976.428)	48.359.289	
Thuế nhà thầu	17.074.261	(84.953.523)	74.566.215	6.686.953	
Thuế khác	-	(13.000.000)	13.000.000	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>940.887.532</b>	<b>12.033.357.647</b>	<b>(10.940.459.029)</b>	<b>2.033.786.150</b>	

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	VND
Trích thưởng cho nhân viên	1.519.529.372	5.008.786.241	
Phí môi giới phải trả cho Sở Giao dịch			
Chứng khoán	985.649.074	481.977.637	
Phí dịch vụ chuyên môn	229.421.500	358.050.000	
Chi phí phải trả khác	1.652.877.130	1.546.413.416	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.387.477.076</b>	<b>7.395.227.294</b>	

## 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	VND
Kinh phí công đoàn	546.682.465	82.884.575	
Bảo hiểm xã hội	435.656.679	-	
Bảo hiểm y tế	91.107.855	-	
Bảo hiểm thất nghiệp	39.502.800	-	
Phải trả khác	212.194.595	209.240.361	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.325.144.394</b>	<b>292.124.936</b>	

## 18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty cho hoạt động đầu tư chứng khoán.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 19.1 Chi tiết vốn góp

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Vốn góp		300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		-	-
Cổ phiếu quỹ		-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	VND	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ sở hữu %
Vốn của Maybank Kim Eng Holdings Limited	145.650.000.000	145.650.000.000	48,55	
Vốn của các cổ đông cá nhân khác	154.350.000.000	154.350.000.000	51,45	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	

### 19.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được gộp vốn đầy đủ</b>		
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000

### 19.3 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	(3.047.832.761)	25.127.363.202
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.000.000	30.000.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	(102)	838

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 20. DOANH THU KHÁC

	VNĐ	VNĐ
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	17.914.288.187	34.274.868.265
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	7.187.293.174	2.484.105.360
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	2.797.436.885	15.574.330.262
Doanh thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán	-	9.740.479.753
Doanh thu khác	2.200.732.663	2.465.685
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.099.750.909</b>	<b>62.076.249.325</b>

## 21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VNĐ	VNĐ
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Chi phí nhân viên	19.835.769.963	24.302.418.163
Chi phí môi giới chứng khoán	4.859.269.636	7.021.444.786
Chi phí thuê văn phòng	4.127.520.537	4.638.216.955
Hoa hồng đại lý	2.528.638.759	2.961.580.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.460.460.245	1.598.183.999
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	1.094.459.836	12.061.938
Chi phí lưu ký chứng khoán	1.075.700.237	1.329.259.873
Chi phí tài chính	981.051.256	7.894.468.236
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	238.468.843	679.247.198
Chi phí tư vấn	19.105.915	100.460.762
Chi phí khác	3.791.733.827	3.644.929.422
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.012.179.054</b>	<b>54.182.272.027</b>

## 22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	VNĐ
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Chi phí nhân viên quản lý	13.846.088.940	8.569.863.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.072.560.571	3.630.725.396
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	1.691.788.823	1.371.038.686
Chi phí thuê văn phòng	1.059.026.369	1.192.065.809
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	95.888.667	285.674.924
Thuế, phí và lệ phí	59.150.434	13.703.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(577.684.815)	(1.201.655.346)
Chi phí khác bằng tiền	5.114.548.660	4.522.458.603
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.361.367.649</b>	<b>18.383.874.885</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dự phòng thuế TNDN trong kỳ được tính như sau:

	VNĐ	VNĐ
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>(3.044.506.679)</b>	<b>33.597.818.863</b>
<b>Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán</b>		
Chi phí không được khấu trừ	470.423.070	284.003.779
<b>(Lỗ tính thuế)/thu nhập chịu thuế ước tính kỳ kế toán hiện hành</b>	<b>(2.574.083.609)</b>	<b>33.881.822.642</b>
Thuế TNDN phải trả theo thuế suất 25%	-	8.470.455.661
Điều chỉnh tăng thuế TNDN năm trước theo quyết toán thuế	3.326.082	-
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ kế toán hiện hành</b>	<b>3.326.082</b>	<b>8.470.455.661</b>
Thuế TNDN phải thu đầu kỳ	(3.075.047.361)	(448.550.092)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(3.143.646.885)
<b>Thuế TNDN (phải thu) phải trả cuối kỳ</b>	<b>(3.071.721.279)</b>	<b>4.878.258.684</b>

## 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Maybank Kim Eng Securities Private Limited	Bên liên quan	Thu phí môi giới Trả hoa hồng	25.944.275 424.782.206

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>	<i>VND</i>
Maybank Kim Eng Securities Private Limited	Bên liên quan	Phải trả hoa hồng	(68.584.134)	
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Cổ đông	Phải thu khác	6.288.000	
Maybank Investment Bank	Bên liên quan	Phải thu khác	122.350.410	

*Các giao dịch với các bên liên quan khác trong kỳ:*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>	<i>VND</i>
Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc			3.708.233.308	

## 25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các văn phòng cho Trụ sở chính và các chi nhánh theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

<i>Đến 1 năm</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>	<i>VND</i>
	4.049.801.218	2.097.239.478	

## 26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 vì đa phần các khoản vay trong kỳ này có lãi suất cố định.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 1.359.895.100 đồng. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 135.989.510 đồng phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 135.989.510 đồng.

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *Rủi ro tín dụng* (tiếp theo)

#### *Phải thu khách hàng* (tiếp theo)

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý rủi ro của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Bất cứ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	VND Tổng cộng
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	- 117.843.364.409			- 117.843.364.409
Phải trả hoạt động				
giao dịch chứng khoán	251.113.763.433	-		- 251.113.763.433
Chi phí phải trả			-	-
- Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK	985.649.074	-	-	985.649.074
- Phí dịch vụ chuyên môn	229.421.500	-	-	229.421.500
- Chi phí phải trả khác	1.652.877.130	-	-	1.652.877.130
	<b>253.981.711.137</b>	<b>117.843.364.409</b>		<b>- 371.825.075.546</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	- 34.090.712.455			- 34.090.712.455
Phải trả hoạt động				
giao dịch chứng khoán	189.565.285.315	-		- 189.565.285.315
Chi phí phải trả				
- Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK	481.977.637	-	-	481.977.637
- Phí dịch vụ chuyên môn	358.050.000	-	-	358.050.000
- Chi phí phải trả khác	1.546.413.416	-	-	1.546.413.416
	<b>191.951.726.368</b>	<b>34.090.712.455</b>		<b>- 226.042.438.823</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

### Tài sản đảm bảo

Công ty thế chấp các khoản phải thu từ tài khoản phải thu của khách hàng và khoản cho vay ký quỹ để đảm bảo cho hợp đồng vay thấu chi tại một ngân hàng trong nước (*Thuyết minh số 14*).

Công ty có nắm giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán, các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán và các khoản hỗ trợ khách hàng thanh toán tiền mua chứng khoán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Công ty cầm cố các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 71.000.000.000 đồng để đảm bảo cho các khoản vay tại một ngân hàng thương mại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (*Thuyết minh số 4*).

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam.

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210 đối với các công cụ tài chính.

### Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

### *Tài sản tài chính* (tiếp theo)

- *Các khoản cho vay và phải thu* (tiếp theo):

- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

### 27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

VNĐ	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
- <i>Chứng khoán thương mại</i>				
Cổ phiếu niêm yết	5.511.500	20.519.300	5.511.500	20.519.300
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	335.196.795.468	253.581.294.546	(*)	(*)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
- <i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>				
Cổ phiếu niêm yết	1.354.383.600	2.066.149.800	1.354.383.600	2.066.149.800
Tiền và các khoản tương đương tiền	352.770.810.126	289.471.624.647	352.770.810.126	289.471.624.647
<b>Tổng cộng</b>	<b>689.327.500.694</b>	<b>545.139.588.293</b>		
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	117.843.364.409	34.090.712.455	(*)	(*)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	253.843.446.947	190.449.884.165	(*)	(*)
Chi phí phải trả	2.867.947.704	2.386.441.053	2.867.947.704	2.386.441.053
<b>Tổng cộng</b>	<b>374.554.759.060</b>	<b>226.927.037.673</b>		

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

## 27. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán đã niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch.
- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

## 28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:

Bà Đào Thị Ngọc Thủy  
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

SỐ Đ: 105 - C.T.C  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
MAYBANK  
KIM ENG  
HỒ CHÍ MINH  
08/08/2013

Ông Lê Minh Tâm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2013